

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 – 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Thị Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Ông Song Li Wei	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Ông Trần Anh Thái	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 05/05/2016)

**Ban Giám đốc**

Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc
Ông Ngô Vũ An	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/09/2016)
Ông Trần Hữu Lập	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/04/2016)

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



**Zhang Zheng Ming**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017*

Số: 54/2017/KT-AV2-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 30/03/2017, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2016 Công ty có các khoản nợ phải thu khó đòi đã quá hạn như sau:

<b>Khoản mục/đối tượng công nợ</b>	<b>Quá hạn (tháng)</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
Các khoản phải thu thương mại		10.522.026.975
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia</i>	17	2.183.690.600
<i>Ban QLDA Phát triển Điện lực - Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc</i>	48	1.218.910.405
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (Cổ đông lớn)</i>	24	2.732.988.303
<i>Công ty CP Xây dựng Thương mại &amp; Khoáng sản Hoàng Phúc (Công ty chung sự kiểm soát)</i>	12	4.028.711.219
<i>Ban QLDA Long Phú - Sông Hậu</i>	15	211.256.999
<i>Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí</i>	72	146.469.449

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó chúng tôi không thể xác định được mức dự phòng cần lập cho các khoản phải thu trên.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 8, theo đó khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng công trình Bãi thải xỉ Thái Bình tại ngày 31/12/2016 số tiền là 557.700.462 VND đã được Công ty ghi nhận từ năm 2014. Cuối năm 2016 Công ty đã được quyết toán một phần giá trị của Công trình số tiền 278.850.231 VND. Công trình hiện vẫn đang được tiếp tục thực hiện và Ban giám đốc Công ty kỳ vọng trong năm 2017 sẽ được quyết toán hết phần giá trị còn lại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Trần Quốc Trị**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
0581-2015-055-1  
**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**Phan Lê Thành Long**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0922-2015-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu số B01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
				Đã điều chỉnh
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>19.543.480.265</b>	<b>29.170.226.996</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.695.498.327</b>	<b>76.880.179</b>
1. Tiền	111	5	5.695.498.327	76.880.179
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.825.060.438</b>	<b>29.023.817.203</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.878.219.527	23.975.298.805
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	997.000.000	-
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	5.828.029.024	6.608.724.891
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.1	529.081.548	640.966.284
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	10	(4.407.269.661)	(2.201.172.777)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>69.529.614</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	69.529.614
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.921.500</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.921.500	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>575.964.245</b>	<b>1.494.274.671</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.2	50.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.112.545)	(525.112.545)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>517.214.230</b>	<b>1.415.465.414</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		517.214.230	1.415.465.414
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.750.015</b>	<b>78.809.257</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.750.015	78.809.257
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>20.119.444.510</b>	<b>30.664.501.667</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu số B01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
				Đã điều chỉnh
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.431.097.615</b>	<b>11.206.787.677</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.137.097.615</b>	<b>10.912.787.677</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.888.815.933	5.442.345.267
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.742.523.008	1.861.046.949
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	57.749.943	2.911.786.326
4. Phải trả người lao động	314		310.863.265	541.035.744
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17.1	137.145.466	156.573.391
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17.2	294.000.000	294.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.688.346.895</b>	<b>19.457.713.990</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>14.688.346.895</b>	<b>19.457.713.990</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.458.519.693)	(689.152.598)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(689.152.598)	(6.961.802.606)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.769.367.095)	6.272.650.008
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>20.119.444.510</b>	<b>30.664.501.667</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập



**Trương Thị Hải Yến**

Kế toán trưởng



**Trương Thị Hải Yến**

Giám đốc



**Zhang Zheng Ming**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

Mẫu số B02 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016		Năm 2015	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.836.569.695		35.795.231.722	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	1.836.569.695		35.795.231.722	
4. Giá vốn hàng bán	11	21	2.000.541.672		22.342.376.197	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(163.971.977)		13.452.855.525	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.480.458		3.046.415	
7. Chi phí tài chính	22		-		-	
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-		-	
8. Chi phí bán hàng	25		-		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.594.751.434		5.094.813.410	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(4.757.242.953)		8.361.088.530	
11. Thu nhập khác	31		-		-	
12. Chi phí khác	32		4.708.942		125.159.496	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(4.708.942)		(125.159.496)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4.761.951.895)		8.235.929.034	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	7.415.200		1.963.279.026	
16. Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(4.769.367.095)		6.272.650.008	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(2.385)		3.136	

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập



**Trương Thị Hải Yến**

Kế toán trưởng



**Trương Thị Hải Yến**



Giám đốc

**Zhang Zheng Ming**

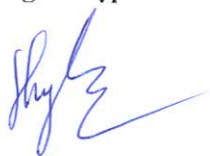


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2016

Mẫu số B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

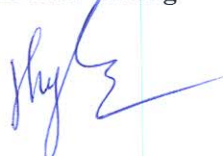
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		(4.761.951.895)	8.235.929.034
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ	02		-	959.677.059
- Các khoản dự phòng	03		2.206.096.884	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.480.458)	(3.046.415)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.557.335.469)	9.192.559.678
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		12.942.659.881	(9.875.167.422)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		967.780.798	1.014.385.078
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN phải trả)	11		(3.956.061.460)	(4.331.704.291)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		47.137.742	133.466.378
- Thuế TNDN đã nộp	15		(1.827.043.802)	(70.592.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.617.137.690	(3.937.052.716)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.480.458	3.046.415
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.480.458	3.046.415
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.618.618.148	(3.934.006.301)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5	76.880.179	4.010.886.480
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	5.695.498.327	76.880.179

Người lập



Trương Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Trương Thị Hải Yến

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Zhang Zheng Ming

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) có trụ sở chính tại số 198 phố Nguyễn Xuân, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0103020312 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 7 ngày 19 tháng 5 năm 2015.

Người đại diện theo pháp luật hiện tại là Ông Zhang Zheng Ming.

Công ty có chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Trung Tâm Tư vấn PVPE Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi nhánh có trụ sở ở Số 302, Nguyễn Trãi, Phường Trung Vãn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND được chia thành 2.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Số cổ phần đã niêm yết là 2.000.000 cổ phần. Mã cổ phiếu là PPE.  
Các cổ đông lớn của Công ty tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ %
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	498.000	24.9
Nguyễn Thị Diệu Linh	191.900	9.6
Zhang Ping	143.100	7.18
Nguyễn Ngọc Linh Chi	100.200	5.01
Phạm Thị Phương	98.000	4.9
Phạm Thu Phương	98.000	4.9
Zhang Zheng Ming	93.000	4.65
Đỗ Mạnh Hùng	88.400	4.42
Song Li Wei	78.500	3.93
Công ty CP đầu tư và quản lý nguồn điện Việt Nam	66.000	3.3

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và thiết kế xây dựng.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:**

Thông tin trên báo cáo tài chính đảm bảo khả năng so sánh với các kỳ báo cáo tương đương.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Hoạt động năm 2016 của Công ty phụ thuộc vào các dự án đầu tư của Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (cổ đông lớn). Tuy nhiên dự án BOT không được cấp phép thực hiện và dự án khu logistic Bắc Giang của Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc bị chậm tiến độ nên Công ty không đạt được kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam ("VND").

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.3 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi (tiếp theo)**

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên khả năng thu hồi các khoản phải thu khó đòi.

**4.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm các khoản trả trước và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian không quá 3 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.5 Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản hợp đồng đã thỏa thuận trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thời gian phát sinh quá một chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo thì được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

**4.6 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.8 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của nhà đầu tư, được ghi nhận theo số vốn thực góp tại thời điểm nhận vốn góp.

**4.9 Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng:*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được *thanh toán theo tiến độ kế hoạch*, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào thời điểm báo cáo mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được *thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện*, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.9 Doanh thu và thu nhập khác ( tiếp theo)**

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.10 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu. Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của dịch vụ đã thực hiện trong kỳ và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn không thể thu hồi phải xóa sổ.

**4.11 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận khi thực sự phát sinh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**4.12 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng chỉ được ghi nhận khi Công ty chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa được sử dụng. Không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trong năm do Công ty không chắc chắn có lợi nhuận trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế được chuyển.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty áp dụng cho năm 2016 là 20% thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ hoặc các khoản lỗ tính thuế. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ lũy kế vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.13 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty mẹ).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin về giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6,

**4.14 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.14 Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**5. TIỀN**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.888.007	10.002.665
Tiền gửi ngân hàng	5.690.610.320	66.877.514
<b>Cộng</b>	<b>5.695.498.327</b>	<b>76.880.179</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>3.402.601.005</b>	<b>4.785.862.554</b>
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia	2.183.690.600	2.183.690.600
Ban QLDA Phát triển Điện lực - Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	1.218.910.405	1.275.694.504
Công ty cổ phần Thủy điện Đakrinh	-	648.880.655
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	677.596.795
<b>Khoản phải thu của khách hàng khác</b>	<b>409.818.358</b>	<b>393.613.119</b>
<b>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	<b>7.065.800.164</b>	<b>18.795.823.132</b>
Công ty TNHH đầu tư và Quản Lý Hoàng Phúc (Cổ đông)	3.037.088.945	4.682.988.303
Công ty CP Xây dựng Thương mại & Khoáng sản Hoàng Phúc (Công ty chung sự kiểm soát)	4.028.711.219	14.112.834.829
<b>Cộng</b>	<b>10.878.219.527</b>	<b>23.975.298.805</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty cổ phần xây dựng Thành Nam	900.000.000	-
Trả trước cho các công ty khác	97.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>997.000.000</b>	<b>-</b>

**8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công trình Bãi Thải Xi Thái Bình (*)	557.700.462	557.700.462
Công trình thủy điện Đăkrinh	908.953.539	908.953.539
Công trình thủy điện Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.962	1.003.751.829
<b>Cộng</b>	<b>5.828.029.024</b>	<b>6.608.724.891</b>

(\*) Số dư phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng công trình Bãi thải xi Thái Bình tại ngày 31/12/2016 là 557.700.462 VND Công ty đã ghi nhận từ năm 2014. Ngày 19/01/2017 Công ty đã được quyết toán một phần giá trị của Công trình số tiền 278.850.231 VND. Công trình vẫn đang được tiếp tục thực hiện, Ban giám đốc Công ty kỳ vọng trong năm 2017 sẽ được quyết toán hết giá trị còn lại nên đã không thực hiện trích lập dự phòng.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>9.1 Ngắn hạn</b>	<b>529.081.548</b>	<b>640.966.284</b>
Tạm ứng	146.074.874	165.834.874
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600
Ông Zhang Hai Long	100.000.000	100.000.000
Phải thu khác	14.056.074	106.180.810
<b>9.2 Dài hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
Đặt cọc thuê văn phòng	50.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>(2.201.172.777)</b>	<b>(1.241.495.718)</b>
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(2.206.096.884)	(959.677.059)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD Công trình Nậm Pàn (*)	(1.937.146.284)	(959.677.059)
Phải thu khác Công ty CP Hải Long (**)	(268.950.600)	-
Trừ: Dự phòng sử dụng/hoàn nhập trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(4.407.269.661)</b>	<b>(2.201.172.777)</b>

(\*) Khoản phải thu khó đòi là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch công trình xây dựng dự án Nậm Pàn tại ngày 31/12/2016 số tiền 4.138.319.061 VND được ghi nhận từ năm 2010. Công trình hiện tại đã tạm dừng, đang được bàn giao lại cho chủ đầu tư mới. Năm 2014 và 2015 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng số tiền 2.201.172.777 VND. Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi được của khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng này là rất thấp và thực hiện trích lập dự phòng số còn lại số tiền 1.937.146.284 VND.

(\*\*) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Hải Long tại ngày 31/12/2016 là 268.950.600 VND. Đây là khoản phải thu cho số tiền đã được ứng trước nhà cung cấp cho việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, hợp đồng đã bị hủy ngang và Công ty đã không liên lạc được với Công ty CP Hải Long để thu hồi khoản tiền này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***11. NỢ XẤU**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	15.029.296.636	10.622.026.975	27.120.204.345	24.919.031.568
Các khoản phải thu thương mại	10.522.026.975	10.522.026.975	22.612.934.684	22.612.934.684
- Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia				
Thời gian quá hạn 17 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	2.183.690.600	2.183.690.600	2.183.690.600	2.183.690.600
- Ban QLDA Phát triển Điện lực - Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc				
Thời gian quá hạn 48 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	1.218.910.405	1.218.910.405	1.275.694.504	1.275.694.504
- Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc (Cổ đông)				
Thời gian quá hạn 24 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	2.732.988.303	2.732.988.303	4.682.988.303	4.682.988.303
- Công ty CP Xây dựng Thương mại & Khoáng sản Hoàng Phúc (Công ty chung sự kiểm soát)				
Thời gian quá hạn 12 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	4.028.711.219	4.028.711.219	14.112.834.829	14.112.834.829
- Ban QLDA Long Phú - Sông Hậu				
Thời gian quá hạn 15 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	211.256.999	211.256.999	211.256.999	211.256.999
- Tổng công ty CP xây lắp Dầu Khí				
Thời gian quá hạn 72 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	146.469.449	146.469.449	146.469.449	146.469.449
Các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	4.138.319.061	-	4.138.319.061	1.937.146.284
- Công trình thủy điện Nậm Pàn - Công ty CP Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu				
Thời gian quá hạn 72 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	4.138.319.061	-	4.138.319.061	1.937.146.284
Các khoản phải thu khác	368.950.600	100.000.000	368.950.600	368.950.600
- Công ty Cổ phần Hải Long				
Thời gian quá hạn 18 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	268.950.600	-	268.950.600	268.950.600
- Ông Zhang Hai Long				
Thời gian quá hạn 18 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>462.252.195</u>	<u>62.860.350</u>	<u>525.112.545</u>
<i>Trong đó:</i>			
- TSCĐ hết khấu hao	462.252.195	62.860.350	525.112.545
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>462.252.195</u>	<u>62.860.350</u>	<u>525.112.545</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>		
Công trình thủy điện Nậm Chà 3 (*)	-	597.823.574
Công trình Nhiệt điện Quảng Trạch HĐ 46/2011	-	369.957.224
Công trình Nhiệt điện Quảng Trạch HĐ 56/2011	447.684.616	447.684.616
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	-
<b>Cộng</b>	<u>517.214.230</u>	<u>1.415.465.414</u>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh của công trình Nậm Chà 3 được xóa sổ do dự án đã ngừng và Công ty không thể thu hồi được khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này.

Công trình nhiệt điện Quảng Trạch hợp đồng số 46/2011 và 56/2011 đã phát sinh từ năm 2014 và năm 2015. Các dự án này bị chậm tiến độ và thời gian luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường nên Công ty đã phân loại thành chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả thương mại</b>	<b>2.888.815.933</b>	<b>5.315.592.687</b>
Công ty cổ phần tư vấn Việt - Delta	1.468.913.356	1.668.913.356
TCT TV TK Dầu khí (Tên cũ CT CP TV và TK Dầu khí)-TK Feed Thái Bình	556.045.763	556.045.763
Công ty cổ phần khoáng sản Cỏ Kênh	220.301.946	2.447.078.700
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000
Công ty TV Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD thủy lợi VN-CTCP tại Hà Nội	340.336.868	340.336.868
<b>Các Công ty khác</b>	<b>-</b>	<b>126.752.580</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.888.815.933</b>	<b>5.442.345.267</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Ban QLDA Vũng Áng - Quảng Trạch (*)	1.422.555.556	1.686.824.496
Công ty khác	319.967.452	174.222.453
<b>Cộng</b>	<b>1.742.523.008</b>	<b>1.861.046.949</b>

(\*) Trong năm 2011, Ban Quản lý dự án Vũng Áng - Quảng Trạch đã tạm ứng cho Công ty số tiền 1.422.555.556 VND để thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch hợp đồng số 56/2011. Hiện tại Dự án này đang được chuyển giao lại cho chủ đầu tư mới là Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN và Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư để xác định khối lượng công việc đã thực hiện và đánh giá khả năng tiếp tục thực hiện dự án này.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	986.142.043	134.597.787	1.070.787.809	49.952.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.824.249.458	7.415.200	1.827.043.802	4.620.856
Thuế thu nhập cá nhân	101.394.825	6.700.287	104.918.046	3.177.066
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.911.786.326</b>	<b>151.713.274</b>	<b>3.005.749.657</b>	<b>57.749.943</b>

Trong đó:

16. Phải nộp:	2.911.786.326	57.749.943
---------------	---------------	------------

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>17.1 Ngắn hạn</b>	<b>137.145.466</b>	<b>156.573.391</b>
BHXH, BHYT, BHTN	13.235.705	50.434.306
Kinh phí công đoàn	10.929.432	9.758.756
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	112.980.329	96.380.329
<b>17.2 Dài hạn</b>	<b>294.000.000</b>	<b>294.000.000</b>
Phải trả cổ đông (*)	294.000.000	294.000.000
<b>Cộng</b>	<b>431.145.466</b>	<b>450.573.391</b>

(\*) Khoản còn phải trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31/12/2016 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam. Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong thời gian 12 tháng tiếp theo nên Công ty phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Tại 01/01/2015	20.000.000.000	146.866.588	193.304.644	20.340.171.232
Tăng trong kỳ	-	-	(882.457.242)	(882.457.242)
Điều chỉnh trong kỳ	-	-	(7.155.107.250)	(7.155.107.250)
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	6.272.650.008	6.272.650.008
Tại 31/12/2015	<u>20.000.000.000</u>	<u>146.866.588</u>	<u>(689.152.598)</u>	<u>19.457.713.990</u>
Tại 01/01/2016	20.000.000.000	146.866.588	(689.152.598)	19.457.713.990
Tăng trong kỳ	-	-	(4.769.367.095)	(4.769.367.095)
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	(4.769.367.095)	(4.769.367.095)
Tại 31/12/2016	<u>20.000.000.000</u>	<u>146.866.588</u>	<u>(5.458.519.693)</u>	<u>14.688.346.895</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Vốn cổ phần thường		Vốn cổ phần thường	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,9	4.980.000.000	24,9
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,6	1.919.000.000	9,6
Ông Zhang Ping	1.431.000.000	7,2	1.431.000.000	7,2
Bà Nguyễn Ngọc Linh Chi	1.002.000.000	5,0	-	0,0
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện 2	-	0,0	1.779.000.000	8,9
Cổ đông khác	10.668.000.000	53,3	9.891.000.000	49,5
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100,0</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100,0</b>

**19. VỐN CỔ PHẦN**

	31/12/2016	31/12/2015
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp, vốn cổ phần đăng ký của Công ty là 20 tỷ đồng, được chia thành 2.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm.

**20. DOANH THU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.836.569.695	35.795.231.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.836.569.695	35.795.231.722
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.836.569.695</b>	<b>35.795.231.722</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.402.718.098	22.342.376.197
Xóa sổ chi phí SXKD dở dang không thể thu hồi được	597.823.574	-
<b>Cộng</b>	<b>2.000.541.672</b>	<b>22.342.376.197</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	1.373.967.630	2.575.133.862
Chi phí dự phòng	2.206.136.884	959.677.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	607.463.327	940.815.897
Chi phí bằng tiền khác	407.183.593	619.186.592
<b>Cộng</b>	<b>4.594.751.434</b>	<b>5.094.813.410</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	9.814.229.709
Chi phí nhân công	1.906.728.504	12.126.459.727
Chi phí dự phòng	2.206.096.884	-
Chi phí tổn thất tài sản	597.823.574	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.107.463.327	3.702.265.076
Chi phí khác	777.180.817	2.051.778.205
<b>Cộng</b>	<b>6.595.293.106</b>	<b>27.694.732.717</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(4.761.951.895)	8.235.929.034
Các khoản điều chỉnh tăng	2.828.182.277	1.134.669.635
Chi phí dự phòng và tổn thất tài sản	2.803.920.458	-
Doanh thu chịu thuế	-	1.009.510.139
Chi phí không được trừ khác	24.261.819	125.159.496
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế chưa cần trừ lỗ chuyển sang từ năm trước</b>	<b>(1.933.769.618)</b>	<b>9.370.598.669</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(1.933.769.618)</b>	<b>9.370.598.669</b>
<b>Chi phí thuế TNDN tính theo mức thuế suất phổ thông (20%)</b>	<b>-</b>	<b>1.874.119.734</b>
Điều chỉnh sai sót năm trước	7.415.200	89.159.292
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>7.415.200</b>	<b>1.963.279.026</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên một cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông phổ thông sở hữu số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.769.367.095)	6.272.650.008
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	(2.385)	3.136

**26. NỢ TIỀM TÀNG**

Từ năm 2010 đến năm 2015, Công ty đã ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng tuy nhiên đã không thực hiện kê khai thu nhập chịu thuế đối với các khoản còn phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Đồng thời Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Việc trích lập dự phòng này chưa đủ hồ sơ và chứng từ hợp lý để được tính vào chi phí được trừ theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC về trích lập dự phòng và Thông tư 96/2015/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 12/2015/NĐ-CP về thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có thể bị truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản thu nhập và chi phí đã trừ này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng cho khoản nợ tiềm tàng này trên báo cáo tài chính năm 2016 vì Công ty cho rằng chi phí này là chưa chắc chắn xảy ra và còn tùy thuộc vào kết quả thanh tra của cơ quan thuế.

**27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo đánh giá của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông	1.382.275.601	-
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và Khoáng Sản Hoàng Phúc	Công ty chung sự kiểm soát	-	14.482.940.753

## Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương thưởng và các lợi ích khác	315.554.509	383.423.556

Số dư phải thu với bên liên quan được trình bày tương ứng tại thuyết minh số 6.

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.14

	Giá trị ghi sổ 31/12/2016 VND	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	5.695.498.327	76.880.179
Phải thu của khách hàng	10.878.219.527	23.975.298.805
Phải thu khác	579.081.548	640.966.284
<b>Cộng</b>	<b>17.152.799.402</b>	<b>24.693.145.268</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	2.888.815.933	5.442.345.267
Phải trả khác	431.145.466	450.573.391
<b>Cộng</b>	<b>3.319.961.399</b>	<b>5.892.918.658</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

## 30. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Các Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày trên giả định là Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam), được điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến các chỉ tiêu của báo cáo tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Mã	Đơn vị tính: VND			Ghi chú
		31/12/2015 Đã trình bày	Điều chỉnh	31/12/2015 Sau điều chỉnh	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8.180.088.344	(1.571.363.453)	6.608.724.891	(1)
Người mua trả tiền trước	312	2.614.222.949	(753.176.000)	1.861.046.949	(2)
Phải trả ngắn hạn khác	319	450.573.391	(294.000.000)	156.573.391	(3)
Phải trả dài hạn khác	337	-	294.000.000	294.000.000	(3)
Hàng tồn kho	141	1.484.995.028	(1.415.465.414)	69.529.614	(4)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	1.415.465.414	1.415.465.414	(4)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	129.034.855	(818.187.453)	(689.152.598)	(1)

(1): Điều chỉnh khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng Dự án Công trình thủy điện Đăkrinh số tiền 443.386.255 VND; Dự án Công trình Bãi Thái Xi Thái Bình số tiền 374.801.198 VND do việc ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của các dự án này vượt quá giá trị công trình được quyết toán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được điều chỉnh giảm tương ứng.

(2): Điều chỉnh khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng số tiền 753.176.000 VND của dự án Công trình thủy điện Nậm Pàn do bù trừ với khoản chủ đầu tư trả trước cho dự án này.

(3): Phân loại lại khoản nợ phải trả ngắn hạn khác của khoản phải trả cổ đông thành phải trả dài hạn khác.

(4): Phân loại lại chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đã phát sinh quá một chu kỳ kế toán của các công trình Thủy Điện Nậm Chà 3 và Công trình nhiệt điện Quảng Trạch thành chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập

Trương Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến

Giám đốc

Zhang Zheng Ming